

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/DSPT

Ngày: 13/9/2021

V/v: *Kiến đòi tài sản là
quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Ông Trần Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/8/2021 và ngày 13/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLPT- DS ngày 12/4/2021 về “Kiến đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2021/QĐ-PT ngày 12/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Đức Th, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số 01, ngõ 24, Đào Sư T, phường Ngô Q, thành phố BG, tỉnh BG (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1963 (có mặt).

Bà Đào Thị V, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dũng: Ông Nguyễn Văn Kỹ - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Công Minh - Đoàn luật sư tỉnh BN (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã TS, tỉnh BN.

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, phường Đông Ngàn, thị xã TS, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Bá H – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huy C- Trưởng phòng Tài nguyên môi trường thị xã TS, tỉnh BN (vắng mặt).

2. Bà Ngô Thị Ch, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn Trung Th, xã Đông Đ, huyện Đông H, tỉnh Thái B (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 01, ngõ 24, Đào Sur T, phường Ngô Q, thành phố BG, tỉnh BG (vắng mặt).

4. Anh Ngô Đức H, sinh năm 1977; Nơi công tác: Phòng cảnh sát môi trường, Công an tỉnh BG (vắng mặt).

5. Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 01, ngõ 24, Đào Sur T, phường Ngô Q, thành phố BG, tỉnh BG (vắng mặt)

6. Chị Ngô Thị Mai L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 64, Lý Thái Tổ, phường Trần Phú, thành phố BG, tỉnh BG (vắng mặt).

Do có kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Hữu D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: Mẹ ông là cụ Uông Thị U sinh năm 1927, mất năm 2011; bố là cụ Ngô Đức C, liệt sỹ năm 1954. Bố mẹ ông sinh ra được hai người con là Bà Ngô Thị Ch, sinh năm 1947 (hồi nhỏ gọi là Bình) và ông (hồi nhỏ gọi là Minh). Do là gia đình liệt sỹ nên vào khoảng năm 1955 sau khi cải cách ruộng đất, Nhà nước cấp cho gia đình ông thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² (nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m²) trên đất có ngôi nhà hai gian lợp ngói khung gỗ (gọi là Nhà chiến thắng) tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN. Vào ngày 13/12/1996, cụ Uyên được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên mang tên bà Uông Thị Uyên (trong giấy ghi là ông Uông Thị Uyên vì do lỗi khi viết “bà” sang “ông”)

Đến năm 1957, cụ Uyên có ở với cụ Ngô Trần Đ cùng quê ở thôn Đại Đ, xã Tân H (cũ) nhưng chỉ ở với nhau được khoảng 02 năm, không có con chung và cụ Định đã mất từ những năm 1960.

Năm 1962, cụ Uyên kết hôn với cụ Nguyễn Hữu Đ quê ở thôn Phú Mẫn, xã Hàm Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh BN (cụ Định mất 1972). Từ năm 1963, cụ Uyên và cụ Định sinh ra 04 người con là Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị Oanh , sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970.

Ông sinh sống trên nhà đất này từ khi được cấp nhà đất khoảng năm 1955 đến năm 1976 ông lấy vợ và sống trên BG. Nhưng từ năm 1976 đến khoảng năm 2011, hàng năm vợ chồng ông vẫn đón cụ Uyên lên ở với vợ chồng ông một vài tuần trên BG rồi cụ Uyên lại về quê sinh sống. Đến năm 2009, vì cụ Uyên già yếu và không còn minh mẫn nên vợ chồng ông Dũng đón cụ Uyên về ở cùng không hỏi ý kiến ông. Đến năm 2011 thì cụ Uyên mất tại gia đình ông Dũng.

Trong quá trình sinh sống trên nhà đất này từ khoảng năm 1955 đến năm 1976 ông cùng cụ Uyên và cả gia đình gồm mấy mẹ con cùng nhau xây dựng bếp mái lợp ngói móc khung tre, lát sân, tường nhưng hiện nay các công trình trên đất đã mục nát.

Khoảng năm 1989, ông Dũng có hỏi mượn ông một phần khoảng 33m² của thửa đất trên (mượn bằng miệng không có giấy tờ) để đặt máy xay xát gạo, ông đồng ý. Vì vậy, vào thời điểm này, vợ chồng ông Dũng có đặt máy xay xát gạo và xây dựng cổng, tường bao quanh, mái lợp proximăng, khung sắt và gỗ trên diện tích đất khoảng 33m² tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² ở khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN. Ngoài ra, không ai cải tạo, sửa chữa gì, không lấn chiếm gì thêm.

Năm 2001, mẹ ông có đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất cho ông nên ngày 28/8/2002, Chủ tịch UBND huyện TS (nay là thị xã TS) đã có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Uông Thị Uyên đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² để cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Ông Ngô Đức Th. Hơn nữa để tránh anh em tranh chấp nhà đất sau này nên vào ngày 04/6/2004, mẹ ông tiếp tục có di chúc với nội dung giao toàn bộ nhà đất trên cho ông là Ngô Đức Thanh toàn quyền sử dụng, định đoạt có sự chứng kiến của hai người hàng xóm là ông Vũ Đắc Trang, ông Nguyễn Thanh Sơn và xác nhận của chính quyền địa phương.

Từ khi gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên vào năm 2002 thì người đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước chủ yếu là ông, ngoài ra thỉnh thoảng ông ở BG không về đóng thuế được nên ông có nhờ cụ Uyên và các em ông đóng thuế đất hộ, sau đó ông có đưa tiền trả họ đã đóng hộ ông thuế đất đó.

Trước khi nộp đơn khởi kiện cho Tòa án, gia đình ông đã yêu cầu ông Dũng, bà Vân tháo dỡ lán đã xây dựng, chuyển máy xay xát gạo để trả lại cho gia đình ông khoảng 33m² của thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN nhưng ông Dũng, bà Vân không thực hiện. Quá trình giải quyết tranh chấp UBND phường Tân H đã hòa giải nhưng không thành nên ông làm khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Hữu D phải tháo dỡ lán, chuyển máy xay xát gạo để trả lại cho gia đình ông diện tích khoảng 33m² trên thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN. Nhưng đến nay, ông thấy Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị V xây dựng lán chiếm toàn bộ lối vào của thửa đất không chịu tháo dỡ, khóa cổng nên ông đã bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Hữu D, bà Trần Thị V phải chuyển máy xay xát gạo, tháo dỡ toàn bộ lán lợp Proximăng khung gỗ, sắt, cổng, tường bao quanh đã xây để trả

lại cho gia đình ông toàn bộ thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² (nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m²) tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN vì đó là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông và gia đình. Đối với 01 cây xoan trên thửa đất tranh chấp, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, trên đất còn có xây dựng tường bao quanh, 01 ngôi nhà khung gỗ mái lợp ngói 02 gian do Nhà nước cấp, 01 cây ổi, 01 cây na, 01 cây khế nhưng các cây còn nhỏ, giá trị thấp và nhà, tường đã mục nát nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Thanh cung cấp cho Tòa án bản sao các giấy tờ tài liệu sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TS, tỉnh BN cấp ngày 28/8/2002 mang tên hộ Ông Ngô Đức Th (bản sao), di chúc ngày 04/6/2004 (bản chính), Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TS ngày 28 ngày 8 năm 2002 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Uông Thị Uyên để cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Ngô Đức Th (bản sao), Thông báo kết luận ngày 27/6/2018, các biên bản hòa giải của UBND phường Tân H (bản chính). Bản sao Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Tổ quốc ghi công ghi nhận cụ Ngô Đức Cư liệt sỹ năm 1954, trích lục khai tử cụ Uông Thị Uyên.

Bị đơn Ông Nguyễn Hữu D, bà Trần Thị V do ông Dũng đại diện theo ủy quyền của bà Vân trình bày: Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² (nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m²), trên đất có ngôi nhà hai gian lợp ngói khung gỗ (gọi là Nhà chiến thắng) tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN có nguồn gốc là của mẹ ông là bà Uông Thị Uyên để lại. Thửa đất này mẹ ông được Nhà nước cấp cho vào thời kỳ sau cải cách ruộng đất. Đến năm 1962, cụ Uyên kết hôn với bố ông là cụ Nguyễn Hữu Dịch quê ở thôn Phú Mẫn, xã Hàm Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh BN (cụ Dịch mất 1972, cụ Uyên mất năm 2011). Năm 1963, bố mẹ ông sinh ra ông và những năm sau sinh được ba người em gái như ông Thanh đã trình bày ở trên là đúng sự thật. Trước khi mẹ ông lấy cụ Dịch thì mẹ ông đã có hai người con riêng với cụ Ngô Đức Cư là Bà Ngô Thị Ch (hồi nhỏ gọi là Bình) và Ông Ngô Đức Th (hồi nhỏ gọi là Minh), ngoài ra không còn người con nào khác.

Từ khi ông được sinh ra đến năm 1986, ông đều sinh sống cùng mẹ và các em của ông trên nhà thửa này (năm 1982 ông đi bộ đội đến năm 1985). Năm 1980 tại thửa đất trên, mẹ ông cùng cả gia đình gồm mấy mẹ con (trong đó có cả ông Thanh) cùng nhau xây dựng bếp mái lợp ngói móc khung tre, lát sân bằng gạch vỡ nhặt được, hiện nay không còn vì đã mục nát hết. Trước khi ông đi bộ đội, vào cuối năm 1981, ông cùng mẹ và các em ông tự xây tường bao quanh nhà bằng gạch vỡ, cổng bằng gạch chỉ. Trong quá trình ở trên nhà đất này, mẹ con ông có sửa chữa

nhà cho đỡ dột nát, ông Thanh sinh sống trên BG cũng có về lợp lại ngói sửa chữa nhà cho đỡ dột nát được một lần.

Năm 1984, ông kết hôn với bà Trần Thị V là người cùng khu phố Đại Đ. Vợ chồng ông sống cùng gia đình nhà ông trên nhà đất này đến năm 1986 thì vợ chồng ông được Nhà nước cấp cho thửa đất khác nên vợ chồng ông ra ở riêng. Khi đó, mẹ ông là cụ Uyên sinh sống cùng hai em gái của ông là bà Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Thị Miên trên nhà đất này. Vào khoảng năm 1987- 1988, mẹ ông có nói miệng (không có giấy tờ) với vợ chồng ông là cho vợ chồng một phần đất để đặt máy xay xát gạo để kiếm thêm thu nhập. Vợ chồng ông không mượn đất của ông Thanh để đặt máy xay xát gạo, vì đất đó không phải của ông Thanh và khi đó ông Thanh cũng không có nhà. Vì vậy vào thời điểm này, vợ chồng ông có đặt máy xay xát gạo và xây dựng tường bao quanh bằng gạch cũ, mái lợp proximăng, khung sắt và gỗ trên diện tích đất khoảng 33m² tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN để làm nghề xay xát gạo. Ngoài ra, vợ chồng ông không cải tạo, sửa chữa, không lấn chiếm gì thêm. Vào khoảng năm 2001 sức khỏe cụ Uyên đã kém hơn nên vợ chồng ông đón cụ Uyên sang ở cùng vợ chồng ông đến cuối năm 2011 thì cụ Uyên chết. Vợ chồng ông làm xay xát gạo đến khoảng năm 2018 thì nghỉ không làm nữa nhưng vẫn để lán, máy xay xát gạo và quản lý nhà đất trên nhiều năm nay. Việc đóng thuế đất đối với thửa đất trên, vợ chồng ông đóng thuế đất khoảng từ năm 1986 đến năm 2011; sau đó từ năm 2012 đến nay ai đóng thuế đất thì ông không biết.

Từ năm 2002 đến năm 2018, ông và gia đình không tranh chấp, không khiếu nại, không thắc mắc gì về việc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên vì khi đó anh em vẫn hòa thuận. Ông Thanh tranh chấp nhà đất trên với ông khoảng từ năm 2018, địa phương có hòa giải nhưng không thành. Theo ông, vào năm 2002 thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thanh là không đúng quy định của pháp luật, bởi vì khi đó mẹ ông là cụ Uyên đã không còn minh mẫn, không có mặt đầy đủ 6 chị em trong gia đình là con đẻ của cụ Uyên; việc cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 nhưng đến năm 2004 cụ Uyên mới có di chúc để lại thửa đất này cho ông Thanh, chữ ký của cụ Uyên trong bản di chúc lập ngày 04/6/2004 không phải là chữ ký của mẹ ông, chữ ký và di chúc là giả. Vì vậy, ông Dũng và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Dũng cho rằng việc ông Thanh khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Dũng dỡ lán, chuyển máy xay xát gạo trả lại gia đình ông Thanh toàn bộ thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² (nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m²) tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN thì vợ chồng ông Dũng và người bảo vệ quyền,

lợi ích hợp pháp cho ông Dũng không đồng ý. Vợ chồng ông đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên đã cấp cho hộ Ông Ngô Đức Th; đề nghị Tòa án công nhận thửa đất trên là tài sản chung của cả 6 chị em để làm nhà thờ chung của gia đình theo đúng ý nguyện của mẹ ông (cụ Uyên nói miệng không có giấy tờ), không thuộc cá nhân ai; máy xay xát gạo là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông thì vợ chồng ông tự tháo dỡ di chuyển đi nơi khác. Ngoài ra, vợ chồng ông không yêu cầu bất kỳ tài sản nào khác vì các cây cối trên đất có giá trị thấp và nhà cũng như tài sản trên đất đã mục nát; trường hợp có trích trả phần công sức đóng góp, quản lý, trông nom, cải tạo, sửa chữa nhà đất tại thửa đất trên thì vợ chồng ông cũng từ chối nhận, không yêu cầu gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị V xác định vào năm 1984, bà kết hôn với Ông Nguyễn Hữu D rồi chung sống tại nhà đất trên của cụ Ông Thị Uyên (được Nhà nước cấp cho vào thời kỳ sau cải cách ruộng đất) cùng gia đình nhà chồng đến năm 1986 thì ra ở riêng tại nhà đất khác. Từ năm 1984 đến năm 1986, vợ chồng bà không cải tạo, sửa chữa gì nhà đất trên. Đến năm 1987, cụ Uyên có nói miệng (không có giấy tờ) với vợ chồng bà về việc đồng ý cho vợ chồng bà xây dựng lán và để máy xay xát gạo để kiếm thêm thu nhập. Bà Vân xác định lời khai trên của ông Dũng về nguồn gốc nhà đất, quá trình sử dụng, quản lý cải tạo, sửa chữa nhà đất, xây lán và đặt máy xay xát gạo trên đất là đúng. Vì lý do bận công việc nên bà ủy quyền cho chồng bà là ông Dũng tham gia tố tụng và toàn quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn có cung cấp cho Tòa án phiếu thanh toán vụ chiêm xuân năm 2006, 2007, 2011 (phô tô), phiếu đăng ký nhân khẩu (phô tô), đơn xin xác nhận ngày 05/01/2021 của ông Dũng có xác nhận của ông Trần Quang Thủy và UBND phường Tân H.

- Bà Ngô Thị Ch, bà Trần Thị B, Anh Ngô Đức H, Chị Ngô Thị Thu H và Chị Ngô Thị Mai L là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ủy quyền cho ông Thanh điều xác định thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² (nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m²), trên đất có ngôi nhà hai gian lợp ngói khung gỗ (gọi là nhà Chiến thắng) tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN có nguồn gốc là của cụ Ông Thị Uyên để lại. Năm 2001, cụ Uyên có đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất cho ông Thanh nên năm 2002, Chủ tịch UBND huyện TS (nay là thị xã TS) đã có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ông Thị Uyên đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² để cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Ông Ngô Đức Th. Sau đó cụ Uyên chưa yên tâm nên vào năm 2004, cụ Uyên tiếp tục có di chúc với nội dung giao toàn bộ nhà đất trên cho Ông Ngô Đức Th có hàng xóm xác nhận chữ ký của cụ Uyên và được UBND xã Tân H

(nay là phường Tân H chứng thực). Bà Chung xác định thửa đất trên hoàn toàn thuộc quyền quản lý, sử dụng và định đoạt của ông Thanh; ông Dũng phải trả thửa đất trên cho ông Thanh còn bản thân bà không yêu cầu quyền lợi gì, không thắc mắc gì. Bà Bản, anh Thanh, chị Huyền và chị Loan là vợ con ông Thanh cũng đều xác định thửa đất trên là của cụ Uyên để lại cho ông Thanh và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Ngô Đức Th nên thửa đất trên thuộc quyền quản lý hợp pháp của gia đình ông Thanh, vì vậy cũng có quan điểm yêu cầu ông Dũng phải trả thửa đất trên cho gia đình ông Thanh.

Bà Nguyễn Thị Anh, bà Nguyễn Thị Oanh và bà Nguyễn Thị Miên trình bày: Các bà đều xác nhận lời trình bày trên của ông Thanh và ông Dũng về mối quan hệ huyết thống trong gia đình và nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp trong vụ án là đúng. Gia đình gồm có 06 chị em, ngoài ra không có người con nào khác. Nguồn gốc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² (nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m²), trên đất có ngôi nhà hai gian lợp ngói khung gỗ (gọi là nhà chiến thắng) tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN có nguồn gốc là của cụ Uông Thị Uyên để lại. Các bà đều sinh sống tại nhà đất trên cùng cụ Uông Thị Uyên và anh chị em đến khi đi lấy chồng. Trong quá trình sinh sống tại nhà đất trên thì các bà và cả gia đình có tu sửa, cải tạo, sửa chữa nhà cho đỡ dột nát để ở (hiện nay các tài sản trên đất đều đã mục nát, không còn giá trị sử dụng). Việc ông Dũng và bà Vân đặt máy xay xát gạo tại thửa đất trên để làm nghề xay xát gạo, các bà đều biết còn việc cụ Uông Thị Uyên có tặng cho ông Thanh hay ông Dũng quyền sử dụng đất của thửa đất trên hay không thì các bà không biết. Các bà xác định từ trước tới nay, các bà chưa bao giờ tranh chấp, khiếu nại hay thắc mắc gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Đến nay, hai gia đình ông Thanh và ông Dũng tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên do cụ Uông Thị Uyên để lại, các bà mong Tòa án hòa giải để giữ đoàn kết trong gia đình còn bản thân các bà không yêu cầu gì, không tranh chấp gì và đều từ chối tham gia tố tụng.

Ủy ban nhân dân thị xã TS trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) TS cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 681712 ngày 13/12/1996 đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m², mục đích sử dụng: T (đất ở), địa chỉ thửa đất: Thôn Đại Đ, xã Tân H, huyện TS, tỉnh BN cho bà Uông Thị Uyên là đúng trình tự thủ tục, đúng quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Luật đất đai năm 1993. Ngày 28/8/2002, Ủy ban nhân dân huyện TS thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/12/1996 của bà Uông Thị Uyên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164 m², mục đích sử dụng: T (đất ở), địa chỉ thửa đất: Thôn Đại Đ, xã Tân H, huyện TS, tỉnh BN (nay là khu phố Đại Đ, phường Tân

H, thị xã TS, tỉnh BN) cho hộ Ông Ngô Đức Th là phù hợp với nguồn gốc sử dụng đất, đúng trình tự thủ tục, đúng quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật đất đai năm 1998 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật đất đai năm 2001. Việc Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1963 (con trai của ông Định và bà Uyên) yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện (nay là thị xã) TS cấp ngày 28/8/2002 cho hộ Ông Ngô Đức Th đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m², mục đích sử dụng: T (đất ở) tại thôn (nay là khu phố) Đại Đ, xã (nay là phường) Tân H là không có cơ sở.

Ông Trần Quang Thủy trình bày: Ông làm Trưởng thôn (nay là khu phố) Đại Đ từ năm 1996 đến năm 2005, vào ngày 09/12/2001 ông có xác nhận vào đơn xin chuyển quyền sử dụng nhà đất của cụ Uông Thị Uyên. Khi đó ông trực tiếp xác nhận với tư cách là Trưởng thôn Đại Đ, ông xác nhận về việc “...xin chuyển quyền sử dụng cho con trai. Kính chuyển UBND xã Tân H”. Ông không nhớ chữ viết nội dung trong giấy tờ này là của ai nhưng ông khẳng định nội dung cụ Uông Thị Uyên chuyển quyền sử dụng nhà đất trên cho con trai là Ông Ngô Đức Th là đúng sự thật.

Ông Nguyễn Thanh Sơn và ông Vũ Đắc Trang trình bày: Ông Trang xác định nội dung Bản di chúc ngày 04/6/2004 do Ông Ngô Đức Th viết, ông Sơn thì không nhớ nội dung bản di chúc này do ai viết vì thời gian đã lâu nhưng hai ông đều khẳng định nội dung của bản di chúc thể hiện cụ Uyên cho con trai là ông Thanh nhà đất trên là đúng ý chí, nguyện vọng của cụ Uyên, chữ ký “Uyên” chính xác là của cụ Uông Thị Uyên. Khi đó cụ Uyên vẫn hoàn toàn minh mẫn, không ai ép buộc cụ ký di chúc. Hai ông ký xác nhận vào bản di chúc của cụ Uyên với tư cách là những người chứng kiến hoàn toàn khách quan và đều khẳng định việc cụ Uyên cho ông Thanh nhà đất trên là đúng sự thật.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 165, 235, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 690, 692, 693, 695, 696 Bộ luật dân sự năm 1995; các điều 115, 160, 164 166, 169, 181 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 1, 2, 3, 20, 73, 79 luật Đất đai năm 1993; các điều 4, 5, 55, 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; mục 3 Chương 2 Thông tư số 1900/2001/TT- TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Đức Th. Buộc Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị V phải chuyển máy xay xát gạo, tháo dỡ toàn bộ lán mái lợp Prôximăng khung gỗ, sắt, cổng, tường bao quanh để trả lại cho hộ Ông Ngô Đức Th toàn bộ thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m², nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m² tại khu phố Đại D, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Ông Ngô Đức Th ngày 28/8/2002 (có bản vẽ kèm theo).

Giao 01 cây Xoan trên thửa đất cho Ông Ngô Đức Th được quyền sở hữu.

Không chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị V về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên do UBND huyện (nay là thị xã) TS, tỉnh BN đã cấp cho hộ Ông Ngô Đức Th ngày 28/8/2002;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 03/02/2021, Ông Nguyễn Hữu D là bị đơn có đơn kháng toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bị đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu D;

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 26/01/2021 của TAND thị xã TS.

- Về án phí, chi phí giám định: Ông Nguyễn Hữu D phải chịu án phí, chi phí giám định theo quy định do yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu D nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Thừa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m² nay là thửa số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m² tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN có nguồn gốc là đất ở của gia đình cụ Uông Thị Uyên và các con của liệt sỹ Ngô Đức Cư được giao sau cải cách ruộng đất. Sau khi được giao đất cụ Uyên cùng các con của cụ Uyên và cụ Cư cũng như con của cụ Uyên và cụ Dịch sinh sống cùng nhau trên thửa đất này. Cho đến năm 1996 cụ Uyên đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Uông Thị Uyên. Việc cụ Uyên được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai thắc mắc hay khiếu kiện gì. Bản thân, bị đơn là ông Dũng cũng thừa nhận thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của cụ Uyên. Do đó, đủ căn cứ để khẳng định thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m² tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN là của cụ Uyên.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cụ Uyên đã có đơn chuyển quyền sử dụng thửa đất cho ông Thanh là con trai của cụ. Trong nội dung đơn cụ Uyên ghi rõ: “..Tôi làm đơn này xin giao trả lại toàn bộ căn nhà, diện tích đất như đã ghi trong bìa cho con trai tôi là Ngô Đức Thanh. Vậy tôi đề nghị các cấp có thẩm quyền chứng nhận và chuyển quyền sử dụng nhà đất cho con tôi để sử dụng lâu dài”. Đơn này của cụ Uyên đã được các cấp có thẩm quyền xác nhận. Sau khi cụ Uyên làm đơn, ông Thanh đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện TS (nay là thị xã TS) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, cụ Uyên cho ông Thanh đất là tự nguyện, đúng với ý chí của cụ, Ủy ban nhân dân huyện TS (nay là thị xã TS) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ trên các giấy tờ mà ông Thanh nộp kèm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi làm đơn cho ông Thanh đất cụ Uyên còn làm bản di chúc vào ngày 04/6/2004. Với bản di chúc này cụ Uyên đã thể hiện ý chí của mình thêm một lần nữa là cho ông Thanh diện tích đất mà cụ đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung di chúc đã thể hiện rõ: “Tôi làm giấy này giao toàn bộ căn nhà trên diện tích 164m² cho con trai tôi là Ngô Đức Thanh được toàn quyền sử dụng, định đoạt dưới sự chứng kiến của hàng xóm và chính quyền địa phương”. Theo ông Dũng khi cụ Uyên lập bản di chúc này cụ Uyên không còn minh mẫn và chữ ký trong bản di chúc cũng không phải là của cụ Uyên. Ông Dũng trình bày như vậy nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh về việc khi cụ Uyên lập bản di chúc này cụ Uyên không còn minh mẫn cũng không chứng minh được

chữ ký trong bản di chúc không phải là của cụ Uyên. Bản thân ông Trang, ông Sơn là hai người ký vào bản di chúc đã có lời khai tại hồ sơ và đều khẳng định chữ ký trong bản di chúc là của cụ Uyên và khi ký vào bản di chúc cụ Uyên minh mẫn, không bị ép buộc ký. Nội dung và di chúc của cụ Uyên phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thanh là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Dũng thì thấy:

- Thứ nhất: Ông Dũng không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc bản án tuyên cho ông Thanh được sử dụng 169m² đất và buộc ông phải tháo dỡ lán, chuyển máy xay sát trả lại mặt bằng cho ông Thanh. Xét nội dung kháng cáo này của ông Thanh thì thấy: Tất cả các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của cụ Uyên được cấp. Khi còn nhỏ cả ông Thanh, ông Dũng cùng các chị em đều sinh sống trên thửa đất này. Sau khi xây dựng gia đình các anh chị em của ông Dũng đều ra ở riêng ông Dũng cũng không sinh sống trên thửa đất này và cụ Uyên những năm cuối đời khi già yếu cũng ở cùng vợ chồng ông Dũng. Tuy nhiên, trước đó, vào năm 2001 cụ Uyên đã có đơn đề nghị thể hiện ý chí chuyển giao quyền sử dụng thửa đất cho ông Thanh. Việc này thể hiện bằng đơn của cụ Uyên. Sau khi có đơn của cụ Uyên ông Thanh đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Sau đó, để khẳng định ý chí của mình một lần nữa, ngày 04/6/2004 cụ Uyên làm bản di chúc cũng thể hiện ý chí cho ông Thanh thửa đất trên. Như vậy, có thể khẳng định việc cụ Uyên cho ông Thanh đất là có thật và việc này phù hợp với các quy định của pháp luật, bởi thửa đất này là của riêng cụ Uyên cụ có quyền tự mình định đoạt thửa đất của mình, không cần sự có mặt của các con cụ khi cụ tự định đoạt tài sản của mình. Do đó, bản án sơ thẩm quyết định cho ông Thanh sử dụng thửa đất là đúng quy định của pháp luật. Trên thửa đất của ông Thanh được sử dụng ông Dũng đã xây lán và đặt máy sát nên khi bản án giao cho ông Thanh quyền sử dụng thửa đất thì ông Dũng phải dỡ lán và di chuyển máy xay sát là phù hợp.

- Thứ hai, ông Dũng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh BN giao thửa đất cho sáu chị em ông để làm nhà thờ cúng cha mẹ, tổ tiên như lời dặn của mẹ ông trước khi qua đời. Tuy nhiên, ông không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cụ Uyên đã có ý nguyện giao thửa đất này cho sáu anh chị em trong gia đình ông để làm nơi thờ cúng. Bản thân ông Thanh xuất trình được đơn đề nghị của cụ Uyên về việc cụ Uyên chuyển giao quyền sử dụng đất cho ông Thanh và bản di chúc của cụ Uyên ngày 04/6/2004 cũng thể hiện việc cụ Uyên cho ông Thanh được quyền sử dụng thửa đất này. Do đó, kháng cáo này của ông Dũng không có căn cứ để chấp nhận.

- Thứ ba, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Dũng có đơn đề nghị giám định chữ ký của cụ Uyên trong bản di chúc ngày 04/6/2004 sau đó ông lại rút yêu cầu. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông Dũng có đơn đề nghị Tòa án giám định chữ ký của cụ Uyên trong bản di chúc. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu ông Dũng cũng như ông Kỹ là người đại diện theo ủy quyền của ông Dũng cung cấp các giấy tờ có chữ ký gốc của cụ Uyên xong cả ông Dũng và ông Kỹ đều không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/8/2021, người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dũng là ông Kỹ và ông Dũng đề nghị hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký của cụ Uyên Thị Uyên trong “Đơn chuyển quyền sử dụng nhà đất và bản di chúc ghi ngày 04/6/2004 có phải là chữ ký của cụ Uyên không, đồng thời cung cấp hai mẫu để so sánh, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, hội đồng xét xử ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 91/2021/QĐ-PT ngày 20/8/2021, đồng thời, ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 04/2021/QĐ-TCGD ngày 23/8/2021 đề yêu cầu phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BN giám định chữ ký của cụ Uyên Thị Uyên.

Tại Kết luận giám định số 121/KLGĐTL-PC09 ngày 07/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BN kết luận: “ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Uyên Thị Uyên trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký của Uyên Thị Uyên trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) có phải do cùng một người ký ra không”.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dũng là ông Kỹ và ông Dũng cho rằng, ngày 07/9/2021 mới có Kết luận giám định nhưng ngày 30/8/2021 đã đưa vụ án ra xét xử ngày 13/9/2021 là không đúng quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đã được thể hiện tại phiên tòa ngày 20/8/2021 về việc tạm ngừng phiên tòa và phiên tòa được mở lại theo đúng quy định tại Điều 259 BLTTDS nên phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thứ tư, ông Dũng cho rằng thửa đất trên có hai gian nhà cấp bốn, nhà lán làm máy xay sát gạo và tường vành lao do ông xây dựng, quản lý và tu tạo giữ gìn đất suốt gần 30 năm nên ông yêu cầu ông Thanh phải bồi hoàn toàn bộ tài sản trên đất cho ông. Theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như biên bản lấy lời khai ông Dũng trình bày ông có xây dựng tường bao quanh bằng gạch cũ, mái lợp proximang, khung sắt và gỗ trên diện tích đất khoảng 33m², ngoài ra vợ chồng ông không cải tạo, sửa chữa, lấn chiếm gì thêm. Như vậy căn cứ các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, cũng như lời khai của ông Dũng gia đình ông tự nguyện di dời các tài sản này đi nơi khác và vợ chồng ông không yêu cầu bất kỳ tài sản nào khác vì các cây cối trên đất có giá

trị thấp và nhà cũng như tài sản trên đất đã mục nát; trường hợp có trích trả phần công sức đóng góp, quản lý, trông nom, cải tạo, sửa chữa nhà đất tại thửa đất trên thì vợ chồng ông cũng từ chối nhận không yêu cầu gì. Như vậy, lời khai của ông Dũng đã thể hiện rõ ý chí của vợ chồng ông là không yêu cầu gì. Nay ông kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét ông Thanh phải bồi hoàn toàn bộ tài sản trên đất cho ông là không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên có thể thấy việc kháng cáo của ông Dũng là không có căn cứ để chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm xử và bác toàn bộ kháng cáo của ông Dũng.

[3]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm và chi phí giám định: Do kháng cáo của ông Dũng không được chấp nhận nên ông Dũng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và chi phí giám định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN. Cụ thể:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Đức Th. Buộc Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị V phải chuyển máy xay xát gạo, tháo dỡ toàn bộ lán mái lợp Prôximăng khung gỗ, sắt, cổng, tường bao quanh để trả lại cho hộ Ông Ngô Đức Th toàn bộ thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8P, diện tích 164m², nay là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 38, diện tích 169,1m² tại khu phố Đại Đ, phường Tân H, thị xã TS, tỉnh BN đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Ông Ngô Đức Th ngày 28/8/2002 (có bản vẽ kèm theo).

Giao 01 cây Xoan trên thửa đất cho Ông Ngô Đức Th được quyền sở hữu.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị V về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên do UBND huyện (nay là thị xã) TS, tỉnh BN đã cấp cho hộ Ông Ngô Đức Th ngày 28/8/2002.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí giám định:

2.1. Ông Nguyễn Hữu D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003942 ngày 03/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TS (ông Dũng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

2.2. Chi phí giám định: Ông Nguyễn Hữu D phải chịu 1.500.000đ chi phí giám định (xác nhận ông Dũng đã nộp đủ).

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND thị xã TS;
- Chi cục THADS thị xã TS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình